TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 23 – 5 – 2022
"tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thới**

2. Bà **Võ Thị Bích Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Nương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thảo Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về *"tranh chấp hợp đồng vay"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị T** , sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** , sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Số 1, đường Tr, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Kim A,** sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 2, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà có thỏa thuận cho bà Nguyễn Kim A vay số tiền 260.000.000đ, các bên kí kết hợp đồng ngày 08/11/2021, thời hạn vay tính từ ngày 19/10/2021 đến ngày 19/12/2021. Nay đã quá hạn thanh toán nhưng bà A chưa trả số tiền đã vay nên bà khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền vốn 260.000.000đ và tiền lãi mỗi tháng 5.000.000đ tính từ lúc vay ngày 19/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2022 cũng như biên bản hòa giải cùng ngày, bị đơn bà A trình bày: bà có vay nợ của bà T. Năm 2020 là bà đã vay tiền của bà T nhưng vì chưa trả được vốn gốc cũng như có nợ tiền lãi nên số nợ được kê lên 260.000.000đ. Đối với biên nhận nợ 260.000.000đ thì bà xác định tính đến thời điểm hiện tại bà chỉ còn nợ vốn 100.000.000đ và nợ lãi của năm 2021 là 80.000.000đ, tổng vốn lãi là 180.000.000 và bà đồng ý trả số nợ này thì sẽ dứt nợ với bà T và không còn nợ khoản nào khác nữa.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2022, người làm chứng ông Nguyễn Thành Th (chồng bà T) trình bày: về việc kí kết hợp đồng vay giữa bà T và bà A ông là người chở bà T đến văn phòng công chứng để công chứng hợp đồng vay, theo ông được biết trước đây bà A vay tiền của bà T 160.000.000đ nhưng không trả vốn và còn nợ lãi nên đến thời điểm các bên kí hợp đồng vay thì bà A mượn thêm cộng với tiền lãi còn thiếu là thêm 100.000.000đ nên bà T và bà A mới kí kết hợp đồng vay với số tiền 260.000.000đ. Ngày 08/11/2021 bà T, bà A đến văn phòng công chứng để hủy bỏ hợp đồng vay 160.000.000đ và xác lập hợp đồng mới với số tiền 260.000.000đ. Về giấy tờ của hợp đồng thì chỉ có tên bà T, bà A nên bà T đứng đơn khởi kiện chứ thực tế đây là tiền chung của vợ chồng ông.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo biên nhận 260.000.000đ (trong đó tiền vốn 210.000.000đ, còn lại là tiền lãi) và tiền lãi tính mỗi tháng 5.000.000đ từ ngày 19/12/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn bà A xác định có nợ vốn 210.000.000đ, nhưng đã trả 160.000.000đ, về tiền lãi thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 BLTTDS 2015; Điều 464, 466, 468, 357 BLDS năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà A có nghĩa vụ trả bà T số tiền gốc 210.000.000đ, tiền lãi 50.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20/12/2021 đến ngày Tòa án xét xử. Không chấp nhận một phần tính lãi suất vượt quy định pháp luật của nguyên đơn. Án phí bị đơn và nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú thuộc địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26,35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Về điều luật áp dụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản kí kết ngày 08/11/2021, do đó áp dụng các quy định của BLDS 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung: bà A vay tiền của bà T là sự việc có thật được chứng minh bằng hợp đồng vay ngày 08/11/2021 có công chứng, biên nhận tiền cùng ngày. Bà A cũng thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng số tiền ít hơn số tiền thể hiện trên biên nhận, ngoài lời trình bày của mình, bà A cũng không có chứng cứ chứng minh nào khác. Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2022 bà Nguyễn Thị Thu Th là người làm chứng cho bà A xác định khoản tháng 10/2020 bà có cho bà A mượn 150.000.000đ để trả cho bà T, còn sau này giữa bà T, bà A có giao dịch như thế nào thì bà không biết, cho nên lời làm chứng của bà Th không có ý nghĩa chứng minh cho giao dịch giữa bà T và bà A vào ngày 08/11/2021. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn (ông Th) và bị đơn (bà A) thừa nhận đối với hợp đồng vay, biên nhận số tiền 260.000.000đ thì tiền gốc là 210.000.000đ, sau khi hết thời hạn cho vay (ngày 19/12/2021, theo thỏa thuận hợp đồng) bà A chưa trả tiền nên bà T khởi kiện yêu cầu bà A có nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 463,466 BLDS 2015 nên được chấp nhận, buộc bà A có nghĩa vụ trả bà T tiền gốc 210.000.000đ.

[4] Về tính lãi: đối với biên nhận 260.000.000đ, đại diện nguyên đơn xác định có 50 triệu đồng là tiền lãi. Ngày 08/11/2021 bà T, bà A cũng đã tự nguyện kí tên vào hợp đồng vay, biên nhận tiền (cùng ngày) nên bà A phải có trách nhiệm trả 50 triệu đồng (tiền lãi) cho bà T.

[5] Đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 19/12/2021 đến ngày Tòa án xét xử, thời điểm này là thời điểm kết thúc hợp đồng vay, nhưng bà A đã không thanh toán cho bà T do đó bà A phải chịu lãi do chậm thực hiện trả tiền. Tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn xác định lúc này các bên có thỏa thuận tính lãi 5 triệu đồng/tháng nhưng bị đơn xác định không có, các bên cũng chỉ có lời trình bày, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên việc tính lãi sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để xem xét. Cụ thể: 260.000.000đ x 10%/năm x thời gian chậm trả (từ ngày 20/12/2021 đến ngày 23/5/2022) = 11.005.800đ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: bà A phải chịu án phí đối với số tiền bị buộc trả 5%/271.005.800đ là 13.550.290đ, làm tròn 13.550.000đ. Bà T không phải chịu án phí do có đơn xin miễn vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 357 BLDS 2015; Điều 12,26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị T.

Buộc bà Nguyễn Kim A có nghĩa vụ trả bà Đặng Thị T số tiền vay gốc 210.000.000đ và tiền lãi 50.000.000đ, tiền lãi chậm trả 11.005.800đ, tổng cộng 271.005.800đ (*hai trăm bảy mươi một triệu lẻ năm ngàn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Không chấp nhận phần tính lãi vượt.

2. Án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A phải chịu án phí sơ thẩm là 13.550.000đ (*mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*)

Bà T phải chịu án phí sơ thẩm do có đơn xin miễn vì là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÙ QUÝ NỮ